

THÀNH PHẦN HỒ SƠ CẤP PHÉP MỎ *ĐẤT SÉT NÀ KHOÁNG*

STT	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
1	Giấy phép khai thác khoáng sản	✓
2	Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	✓
3	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	✓
4	Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản	✓
5	Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản	✓
6	Dự án đầu tư khai thác khoáng sản	✓
7	Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Đối với trường hợp cấp trước năm 2014</i>)	✓
8	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (<i>Đối với trường hợp cấp sau năm 2014</i>)	
9	Quyết định phê duyệt của chủ đầu tư	✓
10	Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo Quyết định phê duyệt	
11	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	✓
12	Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu	✓
13	Biên bản kiểm tra	✓
14	Văn bản xin ý kiến (Nếu có)	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 53 /GP-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 12 năm 2016

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
Mỏ đất sét Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đất sét Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần Toàn Phát đề nghị cấp giấy phép khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình nộp ngày 01/12/2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 397/TTr-STNMT ngày 15/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Toàn Phát khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

1. Diện tích khu vực khai thác: 20 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5, 6 có toạ độ xác định theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác: +283 m

3. Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất: 1.386.812 m³

- Trữ lượng khai thác: 886.875 m³

4. Công suất khai thác: 30.000 m³/năm.

5. Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Công ty cổ phần Toàn Phát có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiến hành hoạt động khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cấm mốc ranh giới khu vực khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

5. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ Nà Khoang và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường theo Giấy phép này, Công ty cổ phần Toàn Phát chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, Sở Công

Thương tinh Lạng Sơn, Sở Xây dựng tinh Lạng Sơn hồ sơ thiết kế mỏ đã được phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến cho cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tinh;
- Cục thuế tinh;
- Các Sở: XD, CT, KH&ĐT, TN&MT (3b);
- C, PVP UBND tinh, các phòng: KTTH, TH;
- UBND huyện Lộc Bình;
- UBND xã Đông Quan, huyện Lộc Bình;
- Công ty cổ phần Toàn Phát;
- Lưu: VT, KTN (NVH). /4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang

**Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký
Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tinh Lạng Sơn**

Số đăng ký:...16... ./ĐK-KT

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 12 năm 2016

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt

Điểm tọa độ VN2000		
Điểm	X (m)	Y (m)
(Kinh tuyến trắc 107°15', mực chiều 30')		
1	2400 256	468 283
2	2400 024	468 699
3	2399 605	468 466
4	2399 717	468 266
5	2399 804	468 314
6	2399 925	468 098
Điểm tích: 20 ha		

RẠNG GIỚI TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁT SƠT NÀ KHOANG,
XÃ ĐÔNG QUAN, HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LÂM NGĀ SON
(Kểm theo Giấy phép khai thác số 53 /GP-UBND
ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh)

Phụ lục số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM NGĀ SON



Lạng Sơn, ngày 15 tháng 12 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc cấp giấy phép khai thác mỏ đất sét Nà Khoang,
xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn



Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03/12/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần Toàn Phát đề nghị cấp giấy phép khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn ngày 01/12/2016,

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, kết quả như sau:

- Mỏ đất sét Nà Khoang được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác số 1506/GP-UBND ngày 30/9/2010 cho Công ty cổ phần Toàn Phát với thời hạn 03 năm (đến tháng 9/2013). Để được tiếp tục khai thác mỏ đất sét Nà Khoang theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, Công ty đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng mỏ đất sét Nà Khoang. Ngày 20/8/2014, Công ty nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Khoáng sản năm 2010; Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tính tiền cấp quyền khai thác và trình UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác mỏ đất sét Nà Khoang tại Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày

24/11/2014 với tổng số tiền được phê duyệt là 1.043.337.000 đồng, số tiền mỗi lần nộp là 69.556.000 đồng. Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 1300/STNMT-TNKSĐC ngày 09/12/2014 đôn đốc Công ty thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trước khi trình UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, do khó khăn về tài chính nên đến ngày 11/01/2016 Công ty mới thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác năm 2014, 2015 với tổng số tiền 139.112.000 đồng và nộp tiền cấp quyền khai thác năm 2016, tiền chậm nộp 73.616.000 đồng ngày 08/12/2016, 12/12/2016.

Ngày 01/12/2016, Công ty nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác mỏ đất sét Nà Khoang theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Khoáng sản năm 2010 kèm theo biên lai nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Hồ sơ gồm:

+ Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đất sét Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

+ Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt số 19/QĐ-TP ngày 10/3/2014 của Công ty cổ phần Toàn Phát; Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000200, chứng nhận lần đầu ngày 26/3/2010 của UBND tỉnh cấp cho Dự án đầu tư nhà máy sản xuất gạch tuynel công suất 20 triệu viên/năm khu công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình.

+ Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 06/8/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo phục hồi môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất gạch tuynel công suất 20 triệu viên/năm khu công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn”.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật Khoáng sản năm 2010;

+ Về đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Mỏ đất sét Nà Khoang được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01/7/2011 nên không thuộc khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ.

+ Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu: Theo báo cáo tài chính năm 2015, Công ty có vốn đầu tư 15 tỷ. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000200, chứng nhận lần đầu ngày 26/3/2010, tổng vốn đầu tư của dự án là 32,2 tỷ đồng, như vậy Công ty đã có vốn chủ sở hữu trên 30% tổng số vốn đầu tư của dự án.

- Về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Công ty đã nộp tiền cấp quyền khai thác mỏ Nà Khoang 03 lần (năm 2014, 2015, 2016) là 212.728.000 đồng.

- Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác có diện tích 20 ha đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan kiểm tra thực địa ngày 09/12/2016, nhất trí đề nghị UBND tỉnh xem xét, cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cho Công ty cổ phần Toàn Phát.

Từ kết quả thẩm định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh:

1. Cho phép Công ty cổ phần Toàn Phát khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực khai thác: 20 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5, 6 có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}15'$, mũi chiếu 3° theo Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

- Mức sâu khai thác: + 283m

- Trữ lượng:

+ Trữ lượng địa chất: $1.386.812 \text{ m}^3$

+ Trữ lượng khai thác: 886.875 m^3

- Công suất khai thác: $30.000 \text{ m}^3/\text{năm}$.

- Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

2. Công ty cổ phần Toàn Phát có trách nhiệm:

- Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

- Tiến hành hoạt động khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc ranh giới khu vực khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

- Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ Nà Khoang và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

- Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đát đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Noi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty cổ phần Toàn Phát;
- Lưu: VT, KS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

da ky

Nguyễn Đình Duyệt

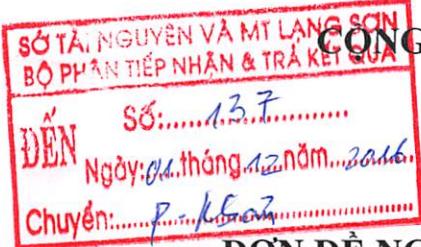
UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁT SÉT NÀ KHOANG,
XÃ ĐÔNG QUAN, HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

(Kèm theo Tờ trình số 397 /TTr-STNMT ngày 15 /12/2016
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	2400 256	468 283
2	2400 024	468 699
3	2399 605	468 466
4	2399 717	468 266
5	2399 804	468 314
6	2399 925	468 098
Diện tích: 20 ha		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 30 tháng 11 năm 2016

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Công ty Cổ phần Toàn Phát
Trụ sở tại: Số 319, đường Bà Triệu, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253.745.400; Fax: 0253.745.401

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 49000483068, đăng ký lần đầu ngày 06/01/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13/7/2015.

Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000200 ngày 26/3/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn cấp cho dự án đầu tư nhà máy sản xuất gạch tuynel công suất 20 triệu viên/năm tại khu công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình.

Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 19/3/2014.

Đề nghị được cấp phép khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Diện tích khu vực khai thác 20 ha, được giới hạn bởi các điểm góc: 1, 2, 3, 4, 5, 6 có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.

Trữ lượng địa chất: 1.386.812 m³

Trữ lượng khai thác: 886.875 m³

Công suất khai thác: 30.000 m³/năm

Mức sâu khai thác: +283 m

Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Mục đích sử dụng khoáng sản: Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất gạch, ngói.

Công ty cổ phần Toàn Phát cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TOÀN PHÁT



Hoàng Tuấn

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN
Số: 318/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đất sét Nà Khoang,
xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 1506/GP-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty cổ phần Toàn Phát;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng mỏ đất sét Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình của Công ty cổ phần Toàn Phát nộp ngày 17/12/2013; hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung nộp ngày 13/3/2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 89/TTr-STNMT ngày 17/3/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất sét Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn” với các nội dung sau:

1. Khoáng sản chính: Tổng trữ lượng cấp 121 + 122 là $1.386.812 \text{ m}^3$.
2. Khoáng sản đi kèm: Không có.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình; Chủ tịch UBND xã Đông Quan, huyện Lộc Bình; Giám đốc Công ty cổ phần Toàn Phát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

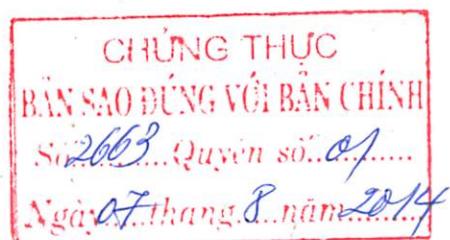
Nơi nhận: /

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT (03b), XD, CT, KH&ĐT;
- CPVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, VQK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nguyên

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 14121000200

Chứng nhận lần đầu: Ngày 26 tháng 3 năm 2010.

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư, ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03/12/2009 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ đề nghị tại Báo cáo thẩm tra dự án số 75/BC-SKHĐT ngày 22/3/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Chứng nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN TOÀN PHÁT

Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh mang mã số doanh nghiệp: 4900483068 đăng ký lần đầu ngày 06/01/2010, do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: số 47, đường Bắc Sơn, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0942898989.

Đại diện bởi: ông Nguyễn Đức Tuấn; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty.

Sinh ngày: 26/6/1978; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh thư nhân dân số: 080924372; Ngày cấp: 07/10/2009; Nơi cấp Công an tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: số 47, đường Bắc Sơn, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH TUYNEL CÔNG SUẤT 20 TRIỆU VIÊN/NĂM KHU CÔNG NGHIỆP NA DƯƠNG, HUYỆN LỘC BÌNH.

Điều 2. Mục tiêu và quy mô dự án:

2.1. Mục tiêu đầu tư:

- Đáp ứng nhu cầu thị trường về gạch, ngói xây dựng chất lượng cao cho khu vực huyện Lộc Bình, các huyện khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và các tỉnh lân cận Bắc Giang, Quảng Ninh...

- Ứng dụng công nghệ sản xuất gạch tiên tiến, sử dụng thiết bị chế biến tạo hình đồng bộ, hiện đại, sấy, nung bằng lò tuynel; xây dựng hệ thống nhà chứa đất nguyên liệu, nhà chứa than và nhà phơi có mái che để khắc phục sự bất lợi khi có mưa kéo dài.

- Đầu tư và vận hành có hiệu quả dự án; thu hút nhiều lao động tại địa phương; đóng góp đầy đủ nghĩa vụ cho ngân sách; thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội địa phương.

2.2. Quy mô dự án: đầu tư nhà máy sản xuất gạch tuynel với công suất 20 triệu viên/năm.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: lô CN02, khu công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 20,19 ha, trong đó:

- Đất sử dụng cho xây dựng nhà máy: 05,00 ha.
- Đất sử dụng cho vùng nguyên liệu: 15,19 ha.

Điều 4. Tổng mức đầu tư: 32.239 triệu đồng, trong đó:

- | | |
|---------------------|-------------------|
| - Chi phí thiết bị: | 9.726 triệu đồng |
| - Chi phí xây dựng: | 18.367 triệu đồng |
| - Chi phí khác: | 2.611 triệu đồng |
| - Chi phí dự phòng: | 1.535 triệu đồng |

Điều 5. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6. Tiến độ xây dựng: 09 tháng.

- Quý II, năm 2010 hoàn thành thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng.
- Quý III- IV, năm 2010 thực hiện đầu tư xây dựng.
- Quý I, năm 2011 đưa nhà máy vào hoạt động.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án và trách nhiệm của Nhà đầu tư:

- Được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư, các Luật có liên quan và cơ chế hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.



- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật.

- Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đầu tư, nếu Công ty cổ phần Toàn Phát không thực hiện dự án, UBND tỉnh sẽ ra văn bản chấm dứt dự án, thu hồi Giấy Chứng nhận đầu tư.

Điều 8. Giấy Chứng nhận đầu tư được lập thành 02 bản chính, nhà đầu tư cấp 01 bản và 01 bản lưu tại cơ quan cấp Giấy Chứng nhận đầu tư.

Giấy Chứng nhận đầu tư này được sao gửi các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính và UBND huyện Lộc Bình./.

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình

CHỨNG THỰC
BẢN SAO DÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số 2102, Quyền số.../4...

Ngày 2 tháng 7 năm 2014

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Phong

CÔNG TY
CỔ PHẦN TOÀN PHÁT

Số: 19/QT-TP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 03 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TOÀN PHÁT
**Về việc phê duyệt Dự án đầu tư XDCT “khai thác mỏ đất sét làm gạch
ngói Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn”.**

GIÁM ĐỐC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt: Dự án đầu tư XDCT “Khai thác mỏ đất sét làm gạch ngói Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn”.

1. Tên Dự án: Dự án đầu tư XDCT “Khai thác mỏ đất sét làm gạch ngói Nà Khoang, xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn”.

2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Toàn Phát.

3. Tên tổ chức lập Dự án, tên Chủ nhiệm Dự án:

- Tổ chức lập Dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Mỏ.

- Chủ nhiệm Dự án: Kỹ sư khai thác Lê Hoàng.

4. Mục tiêu đầu tư.

- Khai thác đất sét cung cấp nguyên liệu cho nhà máy sản xuất gạch TuyneL công suất 20 triệu viên/năm.
- Tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
- Góp phần tăng ngân sách nhà nước.
- Thúc đẩy phát triển kinh tế của huyện Lộc Bình nói riêng và của tỉnh Lạng Sơn nói chung.

5. Nội dung và quy mô đầu tư.

5.1. Trữ lượng, công suất thiết kế, tuổi thọ mỏ.

- Trữ lượng khai thác: 982.470 m³.
- Công suất khai thác: 30.000 m³/năm.
- Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là: 0,5 năm.

5.2. Mở vỉa và chuẩn bị khai trường.

- Vị trí mỏ được xác định ở phía Tây Nam khu mỏ từ cao độ +285m .
- Mỏ khai thác theo hình thức các hào hoàn chỉnh và bán hoàn chỉnh chạy trong biên giới khai trường nối liền đường giao thông khu vực và vị trí khai thác đầu tiên.

5.3. Hệ thống khai thác.

- + Hệ thống khai thác dự kiến áp dụng cho mỏ là hệ thống khai thác theo lớp băng xúc chuyển băng máy xúc, vận tải băng ô tô.
- + Trình tự khai thác đất đá được khẩu từ tầng trên xuống tầng dưới.
- + Các thông số của hệ thống khai thác:

Số thứ tự	Các thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác (h_{kt})	m	5
2	Chiều cao tầng kết thúc (H_{kt})	m	5
3	Góc nghiêng sườn tầng khai thác (α_k)	độ	40 - 45
4	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc (α_{kt})	độ	40 - 45
5	Chiều rộng bờ mặt công tác tối thiểu (B_{min})	m	18
6	Góc nghiêng bờ công tác (ϕ_{ct})	độ	0
7	Góc nghiêng bờ kết thúc (γ_{kt})	độ	26

5.4. Công tác xúc bốc và vận tải trong mỏ.

- Dự án sử dụng máy xúc thuỷ lực gầu ngược dung tích gầu $E = 0,8m^3$.
- Đất đá sau khi khai thác được xúc lên xe ô tô để vận chuyển đến nơi tiêu thụ hoặc bán trực tiếp cho khách hàng.

5.5. Thải đất đá.

Khối lượng đá thải của mỏ hàng năm được xác định chủ yếu là lớp đất phủ và các tạp chất hữu cơ trên bề mặt, Khối lượng không nhiều ước tính khoảng $95.595 m^3$. Mặt khác hiện tại mỏ đang rất thiếu đất đá để san nền và làm đường do vậy vấn đề đổ thải được kết hợp với công tác san nền, làm đường.Căn cứ vào địa hình khu mỏ ta tận dụng thung giữa mỏ làm bãi thải trong diện tích là 1,2ha.

5.6. Tháo khô và thoát nước.

-Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, nước thải từ các khu tập kết nguyên vật liệu, cũng như đảm bảo chất lượng nước và kiểm soát nước thải, trong suốt quá trình thi công, xây dựng sẽ áp dụng các biện pháp sau:

-Khi khai thác khu mỏ đáy khai trường thấp nhất là +283m nằm trên mức xâm thực địa phương, nên không chịu ảnh hưởng của nước ngầm chảy vào mỏ, nước chảy vào mỏ chủ yếu là nước mưa. Khi khai thác mỏ áp dụng phương pháp tháo khô kết hợp để đạt hiệu quả cao.

- Các thiết bị, máy móc trước khi rửa cần lắp đặt và bảo dưỡng các thiết bị chống rò rỉ dầu, mỡ cho máy móc, thiết bị tại công trường để tránh ô nhiễm vào nguồn nước.

5.7. Cung cấp điện, nước và thông tin liên lạc.

Nguồn cung cấp điện: Sẽ được cung ứng bởi hệ thống điện quốc gia thông qua Sở Điện lực tỉnh Lạng Sơn

5.8. Công nghệ chế biến khoáng sản.

Dự án đầu tư khai thác mỏ đất sét Nà Khoang xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, nhằm cung cấp đất sét nguyên liệu cho nhà máy sản xuất gạch Tuynel.

5.9. Vận tải ngoài.

Cung độ vận tải mỏ từ khai trường về xưởng chế biến dài khoảng 350m và nằm trong ranh giới mỏ.

5.10. Công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong mỏ.

- Thực hiện đúng theo nội quy công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

6. Địa điểm xây dựng: xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

7. Tổng diện tích sử dụng đất: 20 ha.

Trong đó:

- + Diện tích khai trường khai thác: 16,3 ha.
- + Diện tích khu văn phòng các công trình phụ trợ: 3,7 ha

8. Công tác bảo vệ môi trường.

Công ty thực hiện đúng các công tác bảo vệ môi trường và cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác theo đúng nội dung báo cáo đã được Sở TNMT và UBND huyện Lộc Bình phê duyệt.

9. Liệt kê đồng bộ thiết bị chính và hạng mục công trình xây dựng phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ.

- Thiết bị khai thác, vận chuyển và chế biến:

TT	Tên, mã hiệu thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy xúc TLGN, dung tích gầu 0,8 m ³	Chiếc	1
2	Máy gặt 130CV	Chiếc	1
3	Ô tô tự đổ trọng tải 7 tấn	Chiếc	1
4	Ô tô tưới đường	Chiếc	1

- Các hạng mục phụ trợ:

+ Khu văn phòng bao gồm các hạng mục như: Phòng Giám Đốc, phòng kế toán, phòng bảo vệ, nhà ăn và bếp.

+ Dây truyền sản xuất ghạch công suất 20 triệu viên/năm.

+ Một số công trình phụ trợ khác: Hồ lăng, trạm biến áp, nhà bảo vệ ...

10. Tổng mức đầu tư của Dự án: 561.796.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng: 328.677.000 đồng.

+ Chi phí quản lý, tư vấn và chi phí khác: 206.366.000 đồng.

+ Chi phí dự phòng: 26.752.000 đồng.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại (70%) và vốn tự có (30%)

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

13. Thời gian thực hiện dự án: 30 năm.

Điều 2: Việc triển khai thực hiện:

1. Quản lý và tổ chức công tác XDCB, khai thác mỏ đúng phương án đã được phê duyệt và theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan khác.

2. Thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong khu vực khai thác khoáng sản và theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Các phòng, ban trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành khi được phép của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản./.

Lạng Sơn ,Ngày 10.tháng 03.năm 2014

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: Vp, Kh



CÔNG TY

CỔ PHẦN TOÀN PHÁT

**CHỦ TỊCH HĐQT
HOÀNG TUẤN**

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN
Số: 1198 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 06 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất gạch Tuynel Công suất 20 triệu viên/năm - Khu công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 8 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với hoạt động khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch Tuynel công suất 20 triệu viên/năm khu công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn" tại phiên họp thẩm định ngày 24 tháng 6 năm 2010;

Xét Tờ trình số 212/TTr-STNMT ngày 03 tháng 8 năm 2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch Tuynel công suất 20 triệu viên/năm

khu công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn" do Công ty Cổ phần Toàn Phát làm chủ dự án (sau đây gọi là chủ dự án).

Điều 2. Phê duyệt nội dung Dự án "Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác và chế biến sét làm gạch Tuynel - Khu công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn" do Công ty Cổ phần Toàn Phát làm chủ dự án với một số nội dung cụ thể sau:

a) Phương án cải tạo phục hồi môi trường: Cải tạo moong khai thác làm hồ chứa nước, kè đá và trồng cây xanh.

b) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 964.886.800 đ (*Chín trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm đồng*).

- Số lần ký quỹ: 30 lần.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Tuân thủ đúng những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án: Thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; trường hợp chất thải có yếu tố nguy hại thì phải tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại ra môi trường xung quanh; có biện pháp thông gió, làm mát tự nhiên giảm thiểu các tác động của nhiệt độ trong quá trình nung, sấy sản phẩm; cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản.

- Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường không khí, nước thải ... theo đúng nội dung nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo kết quả quan trắc, giám sát môi trường về Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn (1 lần/năm); chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Các công trình xử lý và bảo vệ môi trường phải có thiết kế chi tiết và xây dựng các công trình này theo đúng quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng và chỉ được đưa vào sử dụng sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

- Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với tổng số tiền ký quỹ là 964.886.800 đ (*Chín trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm đồng*), phương thức ký quỹ như sau:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là: 144.733.000 đồng (*Một trăm bốn mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

+ Số tiền ký quỹ hàng năm (từ năm thứ 2 đến năm thứ 30) là: 28.281.000 đ (*Hai mươi tám triệu, hai trăm tám mươi mốt nghìn đồng*).

Điều 4. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ

về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 8 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường và phải tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 5. Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 3 và Điều 4 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 6. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Điều 7. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 3 của Quyết định này.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Noi nhận: 20

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (3b);
- UBND huyện Lộc Bình;
- UBND thị trấn Na Dương;
- CVP, PCVP, KTN, TH;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, DN, (OH).



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình



Lê Văn Nguyễn



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 4900483068

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 01 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 13 tháng 07 năm 2015

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TOÀN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: TOAN PHAT., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 319, đường Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại: 0253.745400

Fax: 0253.745401

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 150.000

4. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 01/07/1963 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011579656

Ngày cấp: 27/02/2010 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4A, Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4A, Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 4900483068

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 01 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ 6: ngày 08 tháng 08 năm 2013

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TOÀN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: TOAN PHAT., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 319, đường Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại: 0253.745400

Fax: 0253.745401

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392 (Chính)
2	Chăn nuôi trâu, bò	0141
3	Chăn nuôi dê, cừu	0144
4	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
5	Khai thác gỗ	0221
6	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
7	Xây dựng nhà các loại	4100
8	Chăn nuôi lợn	0145
9	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
10	Chuẩn bị mặt bằng	4312
11	Chăn nuôi khác	0149
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14	Chăn nuôi gia cầm	0146
15	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
16	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312
17	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322
18	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810



4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 150.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

6. Vốn pháp định

7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	Số 47, đường Bắc Sơn, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	31.500	3.150.000.000	21	080924372	
			Tổng số	31.500	3.150.000.000	21		
2	HOÀNG LẠI NAM	Số 27, ngõ 88, Võ Thị Sáu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	3.600.000.000	24	011920215	
			Tổng số	36.000	3.600.000.000	24		
3	HOÀNG TUẤN	Số 4A, Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	82.500	8.250.000.000	55	011579656	
			Tổng số	82.500	8.250.000.000	55		

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Họ và tên: HOÀNG TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/07/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: 011579656

Ngày cấp: 27/02/2010 Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 4A, Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 4A, Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

TRƯỞNG PHÒNG



nam

Nguyễn Phúc Hoài Nam